

Họ và tên: Lớp: 3A ...

TRỌNG TÂM KIẾN THỨC LỚP 3 MÔN TOÁN

1. Bảng nhân, chia từ 2 đến 9.

2. Một phần hai, một phần ba, một phần tư, một phần năm, một phần sáu, một phần bảy, một phần tám, một phần chín.

3. Đọc, viết các số trong phạm vi 100 000 (từ hàng cao nhất đến hàng thấp nhất)

4. So sánh các số trong phạm vi 100 000

- Trong 2 số, số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn; số nào có ít chữ số hơn thì bé hơn.

- Hai số có cùng số chữ số, ta so sánh từng cặp số trên cùng 1 hàng, kể từ trái sang phải.

5. Cộng, trừ trong phạm vi 100 000 (thực hiện theo thứ tự từ phải sang trái)

6. Nhân, chia số có 2, 3, 4 & 5 chữ số với (cho) số có 1 chữ số.

* **Phép nhân:** B1: Đặt tính (viết thừa số thứ 2 thẳng hàng đơn vị với thừa số thứ 1).

B2: Thực hiện tính (lấy thừa số thứ hai nhân với lần lượt từng chữ số của thừa số thứ 1) theo thứ tự từ phải sang trái.

* **Phép chia:** B1: Đặt tính

B2: Thực hiện tính theo thứ tự từ trái sang phải (chia rút gọn).

Lưu ý: Trong phép chia có dư, số dư phải bé hơn số chia.

7. Tính giá trị của biểu thức:

+ Nếu trong biểu thức chỉ có các phép tính (+ , -) hoặc chỉ có các phép tính (x , :) ta thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.

+ Nếu trong biểu thức có các phép tính (+ , - , x , :) ta thực hiện các phép tính nhân, chia trước, rồi thực hiện các phép tính cộng, trừ sau.

+ Nếu trong biểu thức có ngoặc thì ta thực hiện các phép tính trong ngoặc trước rồi thực hiện các phép tính ngoài ngoặc sau.

8. Giải toán có lời văn:

- Muốn gấp 1 số lên nhiều lần, ta lấy số đó nhân với số lần.

- Muốn giảm 1 số đi nhiều lần, ta lấy số đó chia cho số lần.

- Muốn so sánh số lớn gấp mấy lần số bé, ta lấy số lớn chia cho số bé.

9. Hình học:

- Góc vuông, góc không vuông. Điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng.

- Tâm, đường kính, bán kính.

- Nhận diện hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật.

- Muốn tính chu vi hình tam giác ta tính tổng độ dài các cạnh của tam giác đó.

- Muốn tính chu vi hình tứ giác ta tính tổng độ dài các cạnh của tứ giác đó.

- Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài 1 cạnh nhân 4.

- Muốn tính chu vi hình chữ nhật, ta lấy: (CD + CR) x 2 (cùng đơn vị đo)

- Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo).

- Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó.

- Khối hộp chữ nhật. Khối lập phương.

Khối hộp chữ nhật	Khối lập phương.
• 8 đỉnh, 6 mặt và 12 cạnh • Các mặt đều là hình chữ nhật.	• 8 đỉnh, 6 mặt và 12 cạnh • Các mặt đều là hình vuông.

10. Các đơn vị đo đại lượng:

- Mi-li-mét, gam, mi-li-lít, nhiệt độ. Xem đồng hồ. Tháng - Năm. Tiền Việt Nam.

11. Làm quen với chữ số La Mã

I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
XI	XII	XIII	XIV	XV	XVI	XVII	XVIII	XIX	XX
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

12. Làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn là chuyển một số về dạng số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn chục nghìn.

13. Tìm thành phần chưa biết:

- + Muốn tìm số hạng ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết.
- + Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.
- + Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.
- + Muốn tìm thừa số ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.
- + Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương.
- + Muốn tìm số bị chia (trong phép chia hết) ta lấy thương nhân với số chia.
(trong phép chia có dư) ta lấy thương nhân với số chia + số dư.

14. Thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê. Bảng thống kê số liệu.

15. Khả năng xảy ra của một sự kiện.

Họ và tên: Lớp: 3A...

TRỌNG TÂM KIẾN THỨC LỚP 3 MÔN TIẾNG VIỆT

A. TỪ:

1. Từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm
2. Từ cùng nghĩa là những từ có nghĩa giống, hoặc gần giống nhau.
VD: xe lửa - tàu hỏa; con lợn - con heo
3. Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa đối lập nhau.
VD: Vui - buồn; giàu - nghèo; cao - thấp

B. CÂU:

1. **Câu kể là câu dùng để kể, tả, giới thiệu và kết thúc bằng dấu chấm (.)**
 - Câu giới thiệu dùng để nhận định giới thiệu về một người, một vật nào đó.
 - Câu nêu đặc điểm dùng để miêu tả đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của người, vật.
 - Câu nêu hoạt động dùng để kể về hoạt động của người, động vật hoặc vật được nhân hóa.
2. **Câu cảm (câu cảm thán) là câu dùng để bộc lộ cảm xúc (vui mừng, thán phục, đau xót, ngạc nhiên,...) của người nói. Câu cảm thường được kết thúc bằng dấu chấm than (!)**
3. **Câu hỏi (còn gọi là câu nghi vấn) dùng để hỏi những điều chưa biết.**
 - Khi viết, cuối câu hỏi có dấu chấm hỏi (?)
4. **Câu khiến (câu cầu khiến) dùng để yêu cầu đề nghị, mong muốn của người viết, người nói đối với người khác.**
 - Khi viết, cuối câu khiến có dấu chấm than hoặc dấu chấm. (! hoặc .)
5. **So sánh: Hình ảnh so sánh gồm có:**

VỀ 1
(sự vật được so sánh)

+

Từ chỉ đặc điểm

+

TỪ SO SÁNH

+

VỀ 2
(sự vật dùng để so sánh)

 - a. **Tác dụng:** Biện pháp so sánh nhằm làm nổi bật khía cạnh nào đó của sự vật, sự việc.
 - b. **Dấu hiệu:** - Qua từ so sánh: là, như, giống, như là,
- Qua nội dung: 2 sự vật có nét tương đồng được so sánh với nhau.
 - c. **Các phép so sánh:** - sự vật với sự vật. VD: Trẻ em như búp trên cành.
- âm thanh với âm thanh. VD: Tiếng suối trong như tiếng hát xa.
- hoạt động với hoạt động. VD: Lá cọ xòe như tay vẫy.
 - d. **Các kiểu so sánh:** - so sánh ngang bằng: như, tựa như, là, giống như, chẳng khác gì,..
- so sánh hơn kém: chẳng bằng, hơn, kém, không như...

C. DẤU CÂU:

1. **Dấu chấm, dấu phẩy**
2. **Dấu hai chấm:**
 - Báo hiệu bộ phận câu đứng sau là lời nói của một nhân vật
 - Báo hiệu bộ phận câu đứng sau là phần giải thích.

- Báo hiệu bộ phận câu đứng sau là phần liệt kê.

3. Dấu chấm hỏi (dấu hỏi chấm/ dấu hỏi) là một trong các dấu dùng để kết thúc một câu hỏi.

4. Dấu chấm than là một dấu câu dùng để thể hiện cảm xúc, thường là kết thúc câu cảm hoặc câu cầu khiến.

5. Dấu ngoặc kép: Thường được dùng để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật.

6. Dấu gạch ngang:

1. Đặt đầu câu để đánh dấu những lời đối thoại, lời nói trực tiếp của nhân vật.
2. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.
3. Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê

D. CÁCH ĐẶT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI:

1. Khi hỏi về thời gian ta thường dùng từ **“Khi nào”, “Bao giờ”, “Lúc nào”**... để hỏi.
2. Khi hỏi về địa điểm, nơi chốn ta thường dùng từ **“Ở đâu”** để hỏi.
3. Khi hỏi về mục đích ta thường dùng câu hỏi **“Để làm gì?”** để hỏi.
4. Khi hỏi về chất liệu của sự vật hoặc công cụ của hoạt động ta thường dùng câu hỏi **“Bằng gì?”**
5. Đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm / in nghiêng/ gạch chân.